

Số: 15/QĐ-ĐT-VLSC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo Cao đẳng hệ chính quy  
Ngành Tiếng Hàn Quốc

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN LANG SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-LĐTBXH ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn học hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Phòng Đào tạo - Công tác sinh viên và Khoa Ngoại ngữ,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo ngành Tiếng Hàn Quốc bậc cao đẳng hệ chính quy, mã ngành 6220211 (đính kèm chương trình đào tạo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho khóa tuyển sinh năm học 2021 - 2022 trở về sau.

**Điều 3.** Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên ngành Tiếng Hàn Quốc trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT.



Trương Văn Hùng

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo quyết định số 15/QĐ-ĐT-VLSC ngày 16 tháng 3 năm 2021  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn)

Tên ngành, nghề: TIẾNG HÀN QUỐC

Mã ngành, nghề: 6220211

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT

Thời gian đào tạo: 2 năm

Văn bằng: Cử nhân thực hành

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Tiếng Hàn Quốc trình độ cao đẳng là ngành, nghề đào tạo nhân lực thành thạo các kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết gắn với các lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp như trợ lý, hành chính - văn thư, biên dịch, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc chủ yếu của nghề được thực hiện tại các bộ phận của tổ chức hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng Tiếng Hàn Quốc. Người hành nghề chịu cường độ làm việc cao, chịu áp lực lớn về thời gian và yêu cầu đảm bảo tiến độ công việc.

Để hành nghề, người lao động phải có sức khỏe tốt, có ngoại hình phù hợp, đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập, mở rộng kiến thức xã hội, rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng, xây dựng ý thức nghề và say mê nghề.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 98 tín chỉ.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức



- Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Trình bày được các nguyên tắc về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, văn bản tiếng Việt;
- Tổng hợp được từ vựng, lối diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc ở trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội Hàn Quốc;
- Phân tích được các công việc liên quan tới công tác hành chính - văn phòng, các quy trình tiếp khách, tiếp xúc với khách hàng, dịch thuật các văn bản, tài liệu, quy trình hỗ trợ các phòng ban;( soạn thảo văn bản, quản trị văn phòng)
- Trình bày lưu loát những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày trong môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. *Kỹ năng*

- Sắp xếp được các cuộc hội thảo, tọa đàm, lịch làm việc theo yêu cầu của đối tác hai bên;
- Hỗ trợ được các thành viên trong nhóm hay bộ phận thực hiện mục tiêu đã đề ra trong cơ quan, doanh nghiệp;
- Viết, thuyết trình thành thạo; thảo luận và làm chủ tình huống trong công việc trợ lý, hành chính - văn thư và biên phiên dịch có sử dụng Tiếng Hàn Quốc;
- Phát âm chuẩn, trôi chảy, có tốc độ phù hợp, đúng trọng âm, ngữ điệu;
- Sử dụng được các quy tắc nối âm, biến âm, đồng hóa âm trong Tiếng Hàn Quốc một cách thành thạo trong xử lý công việc;
- Diễn đạt trôi chảy các ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân;
- Sử dụng được linh hoạt, đúng các từ vựng, lối diễn đạt, ngữ pháp, cấu trúc câu thường dùng trong giao tiếp;

- Giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ trong các cuộc trao đổi, hội họp, sự kiện, phiên dịch;
- Diễn đạt mạch lạc, đầy đủ các ý chính của một đoạn văn, chủ đề quen thuộc hàng ngày hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề liên quan đến công tác trợ lý, hành chính - văn phòng;
- Viết được các văn bản, tài liệu rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau;
- Diễn đạt được trôi chảy, rõ ràng những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình bằng tiếng Hàn Quốc;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ hai cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo trong công việc;
- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;
- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan và tổ chức;
- Có trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ;
- Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi;
- Có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ;
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi;
- Đánh giá được kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:



Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Quản trị hành chính văn phòng có sử dụng tiếng Hàn (trợ lý riêng, thư ký, soạn thảo thư tín thương mại cho công ty, hoạch định/tổ chức/kiểm soát/lãnh đạo công việc hành chính,...);

- Công tác học vụ trong cơ sở đào tạo tiếng Hàn;

- Công tác biên, phiên dịch;

- Ngành nghề liên quan du lịch, hướng dẫn viên du lịch trong nước và quốc tế;

- Ngành nghề liên quan quản trị kinh doanh (Người phụ trách các công việc hành chính nhân sự; kinh doanh; sales, marketing tại các công ty dịch vụ, sản xuất, các công ty xuất nhập khẩu hay công ty đa quốc gia)

#### **1.4 Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Tiếng Hàn Quốc, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.

#### **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học: 36 môn

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1650 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 577 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1215 giờ; Bài tập: 709 giờ; Kiểm tra: 79.

#### **3. Nội dung chương trình:**

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Bài tập	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>161</b>	<b>94</b>	<b>23</b>
MH01	Giáo dục Chính trị	4 (3,1)	75	41	15	14	5
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	18	8	2	2
MH03	Tin học	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH04	Tiếng Anh	6 (4,2)	120	42	52	20	6
MH05	Giáo dục thể chất	2 (0,2)	60	5	31	20	4
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3 (1,2)	75	36	27	8	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>69</b>	<b>1650</b>	<b>420</b>	<b>559</b>	<b>615</b>	<b>56</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>32</b>	<b>750</b>	<b>210</b>	<b>242</b>	<b>270</b>	<b>28</b>
MH07	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH08	Kỹ năng học tập	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH09	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH10	Đàm thoại tiếng Hàn 1	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH11	Nghe đàm thoại tiếng Hàn 1	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH12	Đọc viết tiếng Hàn 1	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH13	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH14	Đàm thoại tiếng Hàn 2	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH15	Nghe đàm thoại tiếng Hàn 2	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH16	Đọc viết tiếng Hàn 2	2 (1,1)	45	15	13	15	2

LƯU  
 RU  
 VỎ  
 AN  
 SÀ  
 /

MHI17	Ngữ pháp tiếng Hàn 3	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MHI18	Đàm thoại tiếng Hàn 3	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MHI19	Nghe đàm thoại tiếng Hàn 3	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MHI20	Đọc viết tiếng Hàn 3	2 (1,1)	45	15	13	15	2

<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>37</b>	<b>900</b>	<b>210</b>	<b>317</b>	<b>345</b>	<b>28</b>
	<b>Các môn bắt buộc</b>	<b>20</b>	<b>480</b>	<b>120</b>	<b>164</b>	<b>180</b>	<b>16</b>
MH21	Ngữ pháp tiếng Hàn Trung cấp	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH22	Đàm thoại tiếng Hàn Trung cấp	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MII23	Nghe đàm thoại tiếng Hàn Trung cấp	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH24	Đọc viết tiếng Hàn Trung cấp	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH25	Ngữ pháp tiếng Hàn nâng cao	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MII26	Đàm thoại văn hóa xã hội Hàn Quốc	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MII27	Nghe, đàm thoại văn hóa xã hội Hàn Quốc	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MH28	Đọc viết tiếng Hàn nâng cao	2 (1,1)	45	15	13	15	2
	<b>Môn học tự chọn từ MH29 đến MII34</b>	<b>17</b>	<b>420</b>	<b>90</b>	<b>153</b>	<b>165</b>	<b>12</b>
MH29	Tuyển điểm du lịch 1	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MII30	Tuyển điểm du lịch 2	2 (1,1)	45	15	13	15	2
MII31	Nghiệp vụ hướng dẫn	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MII32	Quản trị điểm đến	3 (2,1)	75	15	28	30	2
MH33	Văn bản quản lý nhà nước và kỹ năng soạn thảo văn bản	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH34	Quan hệ lao động	3 (1,2)	75	15	28	30	2
<b>III.</b>	<b>Môn học tốt nghiệp</b>	<b>11</b>	<b>495</b>	<b>0</b>	<b>495</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
MH35	Thực tập tốt nghiệp	6 (0,6)	270	0	270	0	0
MH36	Khóa luận tốt nghiệp	5 (0,5)	225	0	225	0	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ANH GÒN



	<b>Môn thay thế khóa luận</b>						
MH36.1	Văn hóa doanh nghiệp Hàn	3 (1,2)	75	15	28	30	2
MH36.2	Kỹ năng thuyết trình tiếng Hàn	2 (1,1)	45	15	13	15	2
<b>Tổng cộng:</b>		<b>100</b>	<b>2580</b>	<b>577</b>	<b>1215</b>	<b>709</b>	<b>79</b>

#### 4. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện theo các Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH.

#### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số doanh nghiệp có tổ chức hoạt động kinh doanh khách sạn đầy đủ theo từng phần thực hành nghề khách sạn.
- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội, bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện; Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, buổi sinh hoạt vào thứ bảy, chủ nhật
5	Tham gia dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

#### 4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, Vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: không quá 120 phút

+ Thực hành: không quá 3 giờ

- Về kiến thức:

Được đánh giá bằng các bài kiểm tra viết, các buổi thuyết trình. Đánh giá cụ thể theo các môn theo trình tự các mức độ sau:

+ Tổng hợp đầy đủ, chính xác các kiến thức đã học.

+ Ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn một cách khoa học để giải quyết vấn đề có hiệu quả nhất

+ Trình bày đầy đủ nội dung các kiến thức cơ sở liên quan.

- Về kỹ năng:

- Kết quả thực hành sẽ được đánh giá theo trình tự từ đơn giản đến phức tạp, qua quan sát, chấm điểm theo công việc và sản phẩm.

- Khả năng thực hiện công việc độc lập, đạt kết quả tốt.

- Thực hiện được các công việc trong phạm vi sử dụng các trang bị, thiết bị sẵn có.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Được đánh giá qua bảng điểm và nhận xét:

+ Chăm thận, nghiêm túc trong công việc

+ Trung thực trong kiểm tra, có trách nhiệm và có ý thức giữ gìn bảo quản tài sản, máy móc, dụng cụ, phần đầu đạt năng suất và chất lượng cao nhất, đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc.

+ Có ý thức bảo vệ môi trường, bình đẳng trong giao tiếp.

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét tốt nghiệp (Căn cứ theo Điều 25 Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo, làm đồ án tốt nghiệp cuối khóa hoặc học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Cao đẳng với các điều kiện sau:

VA  
VA  
VA



+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

+ Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

Quy định về đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

#### 4.5 Các chú ý khác:

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung thực hành theo tín chỉ tại cơ sở:

- Thực hành tín chỉ được đào tạo ngay tại trường, trong quá trình đào tạo cơ sở có thể sử dụng mô hình doanh nghiệp – để đào tạo nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;

- Nội dung thực hành tín chỉ đã được cụ thể theo đề cương đào tạo của từng môn học.

- Thực tập tốt nghiệp: thời gian và nội dung theo chương trình đào tạo.

#### 5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề tiếng Hàn Quốc, trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo./.



Hiệu trưởng

Trương Văn Hùng